

# KỸ NĂNG GIAO TIẾP TRONG HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP TRÊN LỚP CỦA SINH VIÊN KHMER VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ThS. Nguyễn Thị Thúy

Trường Đại học Trà Vinh.

## TÓM TẮT

*Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá kỹ năng giao tiếp trong hoạt động học tập trên lớp học của sinh viên dân tộc Khmer, đồng thời phân tích mối quan hệ giữa kỹ năng giao tiếp với kết quả học tập của sinh viên. Thiết kế điều tra chọn mẫu ngẫu nhiên một lần theo lát cắt ngang được tiến hành với số mẫu chọn gồm 426 sinh viên Khmer. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sinh viên Khmer có khả năng cao trong tập trung các giác quan để lắng nghe và ghi chú nội dung học tập nhưng còn hạn chế trong khả năng diễn đạt nội dung học tập bằng lời nói. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, kỹ năng giao tiếp có mối quan hệ thuận với kết quả học tập của sinh viên.*

**Từ khóa:** *Kỹ năng giao tiếp; Kết quả học tập; Sinh viên Khmer.*

*Ngày nhận bài: 15/5/2019; Ngày duyệt đăng bài: 25/5/2019.*

### 1. Đặt vấn đề

Trong hoạt động học tập trên lớp ở môi trường đại học, kỹ năng giao tiếp đóng vai trò quan trọng giúp sinh viên lĩnh hội các tri thức khoa học, hình thành những kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp (Iksan và cộng sự, 2012; Ganguly, 2017). Kỹ năng giao tiếp trong hoạt động học tập, theo Nguyễn Thị Thúy (2018), được hiểu là sự vận dụng tri thức và kinh nghiệm của người học để trao đổi thông tin, tri thức, ý tưởng trong hoạt động học tập với đối tượng giao tiếp thông qua phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ nhằm thực hiện có hiệu quả các hoạt động học tập tại trường đại học. Từ định nghĩa này, có thể thấy, để thực hiện hiệu quả các hoạt động học tập, thì sinh viên cần có các kỹ năng giao tiếp như: kỹ năng lắng nghe, kỹ năng trình bày, thuyết trình các nội dung học tập, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm,... Tuy nhiên, từ những năm 80 của thế kỷ XX, nghiên cứu của Rubin (1982) đã chỉ ra những khó khăn giao tiếp trong hoạt động học tập ở sinh viên đại học như nhiều sinh viên chưa

nghe giảng tốt nên gặp khó khăn trong xác định những ý chính của bài học; một số sinh viên không hiểu đầy đủ các hướng dẫn của người dạy cũng như mục tiêu kiến, tóm lược ý kiến hay phát âm. Trong quá trình học tập ở lớp, nhiều sinh viên còn không biết đặt câu hỏi để lấy thông tin hoặc gặp khó khăn trong diễn về kỹ năng giao tiếp của sinh viên, nhiều nhà nghiên cứu cũng đã chỉ ra sinh viên cần cải thiện thêm một số kỹ năng liên quan đến giao tiếp bằng lời, như kỹ năng trình bày ý kiến, diễn đạt nội dung học tập và kỹ năng thuyết trình (Iksan và cộng sự, 2012; Mercer-Mapstone và Matthews, 2015; Ganguly, 2017).

Nghiên cứu kỹ năng giao tiếp ở sinh viên dân tộc thiểu số, nhiều nhà nghiên cứu nhấn mạnh việc sử dụng song ngữ (tiếng mẹ đẻ và tiếng phổ thông) và đặc biệt vốn ngôn ngữ phổ thông là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất tới giao tiếp trong hoạt động học tập và kết quả học tập của sinh viên (Powell và Avila, 1986; Martín-Pastor và cộng sự, 2013). Martín-Pastor và cộng sự (2013) nghiên cứu về ảnh hưởng của kỹ năng giao tiếp ở sinh viên nhập cư tới quá trình dạy và học ở Vương quốc Tây Ban Nha cho rằng, những sinh viên thuộc về nhóm nhập cư hoặc những nhóm sinh viên dân tộc thiểu số hạn chế về từ vựng gặp vấn đề trong việc xác định ý nghĩa của các cụm từ thông dụng trong văn bản. Chính những bất lợi về ngôn ngữ, về từ vựng ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp của người học và ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập của các em.

Sử dụng song ngữ (tiếng Việt và tiếng Khmer) cũng là một đặc điểm nổi bật của sinh viên Khmer vùng đồng bằng Sông Cửu Long, trong đó, vốn tiếng Việt của sinh viên Khmer sử dụng trong hoạt động học tập còn hạn chế (Phạm Văn Tuấn, 2014; Bùi Thị Luyến, 2016). Từ những nét đặc thù trong ngôn ngữ của sinh viên Khmer và những hạn chế trong kỹ năng lắng nghe và giao tiếp bằng lời trong học tập của sinh viên như đã đề cập ở trên, nghiên cứu này sẽ làm rõ một số nội dung của kỹ năng giao tiếp trong hoạt động học tập trên lớp học của sinh viên Khmer, cụ thể nghiên cứu chỉ ra (i) biểu hiện của kỹ năng lắng nghe và trình bày nội dung học tập trên lớp học và (ii) mối quan hệ của chúng với kết quả học tập.

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Thiết kế nghiên cứu**

Cách thu thập dữ liệu: Nghiên cứu sử dụng thiết kế điều tra chọn mẫu một lần theo lát cắt ngang.

Công cụ nghiên cứu: Nghiên cứu sử dụng kết hợp các phương pháp như nghiên cứu tài liệu, điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu và quan sát, trong đó điều tra bằng bảng hỏi là phương pháp chính. Bảng hỏi được xây dựng dựa trên

tổng quan từ các nhà nghiên cứu trước đó (Rubin, 1982; Backlund và cộng sự, 1982; Spitzberg, 2007; Aryadoust và cộng sự, 2012) và thảo luận với hai nhà khoa học cùng chuyên ngành của Việt Nam. Có 29 biểu hiện (item) được sử dụng để đo kỹ năng giao tiếp trong hoạt động học tập trên lớp của sinh viên. Mỗi item được thiết kế dạng thang đo Likert. Độ tin cậy Alpha của Cronbach trong thang đo Kỹ năng lắng nghe là 0,862, Kỹ năng diễn đạt là 0,910.

## **2.2. Khách thể nghiên cứu**

Khách thể nghiên cứu gồm 426 sinh viên Khmer từ năm nhất đến năm ba đang theo học tại Trường Đại học Trà Vinh, Trường Đại học Cần Thơ và Trường Đại học Kiên Giang, trong đó, 256 nữ (60,1%) và 170 nam (39,9%).

## **2.3. Đo lường**

Kỹ năng giao tiếp trong phạm vi nghiên cứu này được đo bởi hai biến số: kỹ năng lắng nghe (14 item) và kỹ năng trình bày nội dung học tập (15 item). Mỗi item có 5 phương án từ “sai hoàn toàn” đến “đúng hoàn toàn” tương ứng với điểm từ 1 đến 5. Điểm trung bình của từng item cũng như thang đo càng cao thì sinh viên có kỹ năng giao tiếp càng tốt.

Kết quả học tập được tính dựa theo điểm trung bình tích lũy từ học kì I năm nhất đến thời điểm trả lời phiếu khảo sát. Kết quả học tập được sắp xếp theo 5 mức độ: loại A (từ 8,5 đến 10), loại B (từ 7,0 đến 8,4), loại C (từ 5,5 đến 6,9), loại D (từ 4,0 đến 5,4) và loại F (từ 0 đến dưới 4,0).

## **2.4. Phân tích dữ liệu**

Phép xoay Varimax được sử dụng để nhóm từng kỹ năng thành những nhóm biểu hiện cụ thể. Những item bị loại là những item không có giá trị phân biệt giữa hai nhóm và có hệ số tương quan nhỏ hơn 0,3.

Sử dụng phương pháp phân tích cụm (Clustering Analysis) để nhóm các khách thể có cùng đặc điểm về kỹ năng giao tiếp trong hoạt động học tập giống nhau. Trong nghiên cứu này, phương pháp phân tích cụm dựa vào phương sai là thủ tục Ward trong loại thủ tục phân cụm thứ bậc được sử dụng. Kết quả của việc phân cụm cấu trúc được biểu diễn bằng đồ thị - biểu đồ hình cây.

Phương pháp phân tích biệt số (Discriminant Analysis) được sử dụng để nghiên cứu sự tồn tại khác biệt có ý nghĩa giữa các cụm sinh viên để xác định biểu hiện nào là nguyên nhân chính gây ra sự khác biệt giữa cụm.

Chi-Square được sử dụng để xác định mức độ liên hệ giữa kết quả học tập và kỹ năng giao tiếp trên lớp theo các cụm sinh viên. Ngoài ra, thống kê mô tả như giá trị trung bình, độ lệch chuẩn,... cũng được sử dụng để mô tả đặc điểm của các biểu hiện cũng như từng nhóm kỹ năng.

### 3. Kết quả và thảo luận

#### 3.1. Thực trạng của kỹ năng giao tiếp trong hoạt động học tập trên lớp của sinh viên Khmer

##### 3.1.1. Kỹ năng lắng nghe nội dung học tập trên lớp

Kết quả khảo sát kỹ năng lắng nghe nội dung học tập trên lớp ở sinh viên Khmer được thể hiện trong 3 nhóm biểu hiện (dựa trên phân tích nhân tố) như sau:

**Bảng 1: Thực trạng kỹ năng lắng nghe trong hoạt động học tập trên lớp của sinh viên Khmer**

Nhóm	Biểu hiện	ĐTB	ĐLC
Khả năng tập trung (ĐTB = 3,64; ĐLC = 0,71)	L1. Tập trung các giác quan (mắt, tai,...) để chú ý nắm bắt thông tin, nội dung học tập	3,99	0,86
	L2. Gạt bỏ những kích thích từ các bạn hay những thứ xung quanh trong và ngoài lớp học để tập trung vào học tập	3,38	0,95
	L3. Gạt bỏ những suy nghĩ không liên quan đến nội dung bài học... trong giờ học để tập trung vào bài học	3,55	0,92
Khả năng hiểu (ĐTB = 3,52; ĐLC = 0,64)	L4. Hiểu những từ, cụm từ học thuật liên quan đến môn học	3,38	0,89
	L5. Xác định và hiểu được những ý chính trong quá trình tham gia thảo luận hay nghe giảng	3,68	0,80
	L6. Liên kết những ý chính với những ý chi tiết của bài học	3,52	0,91
	L7. Nhận ra được ngụ ý trong lời nói của đối tượng giao tiếp	3,52	0,93
Khả năng vận dụng những gì nghe trên lớp (ĐTB = 3,61; ĐLC = 0,64)	L8. Ghi chú được những nội dung/thông tin quan trọng trong hoạt động học tập theo cách hiểu của mình	4,01	0,91
	L9. Hiểu được những hướng dẫn, những yêu cầu, những bài tập,... giảng viên thực hiện trên lớp	3,74	0,87
	L10. Liên kết những nội dung nghe được với tài liệu học tập hoặc kinh nghiệm cá nhân	3,61	0,88
	L11. Phản hồi lại những gì thầy cô hoặc bạn cùng lớp đã trình bày bằng lời nói (có thể là nhận xét, câu hỏi, hoặc tóm tắt lại,...)	3,23	1,07

L12. Vận dụng được những gì đã nghe trên lớp vào giải quyết các yêu cầu học tập	3,58	0,92
L13. Tóm tắt được những nội dung giảng viên giảng hay nội dung thảo luận của nhóm và đưa ra được kết luận	3,32	0,88
L14. Sử dụng những phản hồi (góp ý) của giảng viên hoặc bạn cùng lớp để học tập tốt hơn	3,81	0,98
<b>Tổng</b>	<b>3,59</b>	<b>0,55</b>

Số liệu ở bảng 1 cho thấy, kỹ năng lắng nghe trong hoạt động học tập trên lớp của sinh viên Khmer có ĐTB = 3,59; ĐLC = 0,55. Trong ba nhóm biểu hiện của kỹ năng lắng nghe, nhóm khả năng tập trung có giá trị trung bình cao nhất (ĐTB = 3,64; ĐLC = 0,71), trong đó biểu hiện *tập trung các giác quan để nắm bắt thông tin, nội dung học tập* là biểu hiện nổi trội của sinh viên Khmer với ĐTB là 3,99. Mặc dù khả năng tập trung cao, nhưng ĐTB của biểu hiện *gạt bỏ những kích thích từ các bạn hay những thứ xung quanh trong và ngoài lớp học để tập trung vào học tập* lại thấp nhất trong nhóm biểu hiện này. Kết quả cho thấy, sinh viên Khmer có khả năng tập trung nhưng vẫn không tránh khỏi sự sao nhãng khi có những kích thích từ xung quanh lớp học.

Nhóm biểu hiện được đánh giá cao tiếp theo là khả năng vận dụng những gì nghe trên lớp (ĐTB = 3,61; ĐLC = 0,64), trong đó biểu hiện *ghi chú những nội dung, thông tin quan trọng trong hoạt động học tập theo cách hiểu của mình* được đánh giá với điểm trung bình ở mức độ cao nhất (ĐTB = 4,01; ĐLC = 0,91). Điều này cho thấy, khả năng tập trung lắng nghe và ghi chú nội dung bài học của sinh viên Khmer là tốt. Chaudron, Loschky và Cook (1994) khẳng định nghe và ghi chú được nội dung bài giảng sẽ giúp sinh viên nhớ được nội dung bài học. Nghiên cứu này cũng chỉ ra biểu hiện *hiểu được những hướng dẫn, những yêu cầu, những bài tập, ... giảng viên thực hiện trên lớp* cũng có điểm cao hơn so với những biểu hiện còn lại (ĐTB = 3,74; ĐLC = 0,87). Tuy nhiên, biểu hiện *tóm tắt được những nội dung giảng viên giảng hay nội dung thảo luận của nhóm và đưa ra được kết luận* và biểu hiện *phản hồi lại những gì thầy cô hoặc bạn cùng lớp đã trình bày bằng lời nói lại* được sinh viên Khmer đánh giá khá thấp với ĐTB lần lượt là 3,32 và 3,23. Kết quả phỏng vấn em C.K. (nữ, sinh viên năm nhất, Trường Đại học Trà Vinh) cũng cho kết quả tương tự. Em chia sẻ: "*Khi thầy cô giảng bài, em chỉ thích ngồi nghe, dù em có hiểu hay không hiểu những gì thầy cô hướng dẫn, em cũng không dám hỏi hay thắc mắc thầy cô... Khi học tập cùng bạn trong lớp, nhiều khi không hiểu, em cũng ít hỏi, ... vì em ngại*". Mặc dù sinh viên Khmer còn hạn chế khả năng phản hồi lại

bằng lời nói, nhưng khi được giảng viên và các bạn cùng lớp phản hồi (góp ý), sinh viên Khmer biết sử dụng chúng để học tập tốt hơn (ĐTB = 3,81). “*Khi cô và các bạn để em tốt hơn*” (N.T.T., nam, sinh viên năm hai, Trường Đại học Kiên Giang).

Nhóm biểu hiện khả năng hiểu những gì nghe được (ĐTB = 3,52; DLC = 0,64) được sinh viên đánh giá thấp nhất so với hai nhóm còn lại, đặc biệt biểu hiện *hiểu những từ, cụm từ học thuật liên quan đến môn học* (ĐTB = 3,38; DLC = 0,89). Hạn chế trong khả năng hiểu vốn từ học thuật trong học tập ở sinh viên dân tộc thiểu số cũng được tìm thấy trong nghiên cứu trước đó của Barker và cộng sự (1991).

### 3.1.2. Kỹ năng trình bày nội dung học tập trên lớp

Kết quả khảo sát kỹ năng trình bày nội dung học tập trên lớp của sinh viên Khmer được nhóm thành ba cụm biểu hiện (dựa trên phân tích nhân tố), cụ thể trong bảng sau:

**Bảng 2: Thực trạng kỹ năng trình bày nội dung học tập trên lớp của sinh viên Khmer**

Nhóm	Biểu hiện	ĐTB	DLC
Sử dụng từ ngữ, ngữ pháp (ĐTB = 3,63; DLC = 0,77)	Y1. Phát âm tiếng Việt rõ ràng, chính xác	3,88	0,92
	Y2. Sử dụng từ ngữ học thuật phù hợp với nội dung môn học	3,64	0,93
	Y3. Trình bày đúng về ngữ pháp	3,38	0,92
Ngôn ngữ không lời (ĐTB = 3,60; DLC = 0,91)	Y4. Tiếp xúc mắt với đối tượng giao tiếp khi diễn đạt ý kiến	3,66	1,06
	Y5. Sử dụng cử chỉ (tay, đầu,...) để nhấn mạnh những gì bản thân muốn nói	3,54	1,05
Diễn đạt nội dung học tập (ĐTB = 3,27; DLC = 0,65)	Y6. Tự tin, làm chủ được cảm xúc khi trình bày các nội dung học tập trước nhóm hoặc trước lớp	3,28	0,93
	Y7. Tốc độ trình bày phù hợp	3,48	0,94
	Y8. Cường độ trình bày là phù hợp	3,56	0,90
	Y9. Giọng nói có biểu cảm và ngữ điệu	3,21	0,95
	Y10. Khả năng tổ chức, sắp xếp nội dung muốn trình bày giúp giảng viên và bạn trong lớp hiểu	3,07	0,97
	Y11. Khả năng trình bày nội dung ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu	3,13	0,90

	Y12. Các ý kiến trình bày luôn gắn liền với nội dung đang học	3,52	0,92
	Y13. Trình bày nội dung học tập lưu loát, mạch lạc	3,13	0,86
	Y14. Diễn đạt và bảo vệ được quan điểm của mình bằng những ví dụ hoặc minh chứng cụ thể	3,30	0,97
	Y15. Trả lời đúng và lưu loát các câu hỏi của giảng viên hoặc các bạn trong lớp	2,97	0,87
<b>Tổng</b>		<b>3,39</b>	<b>0,61</b>

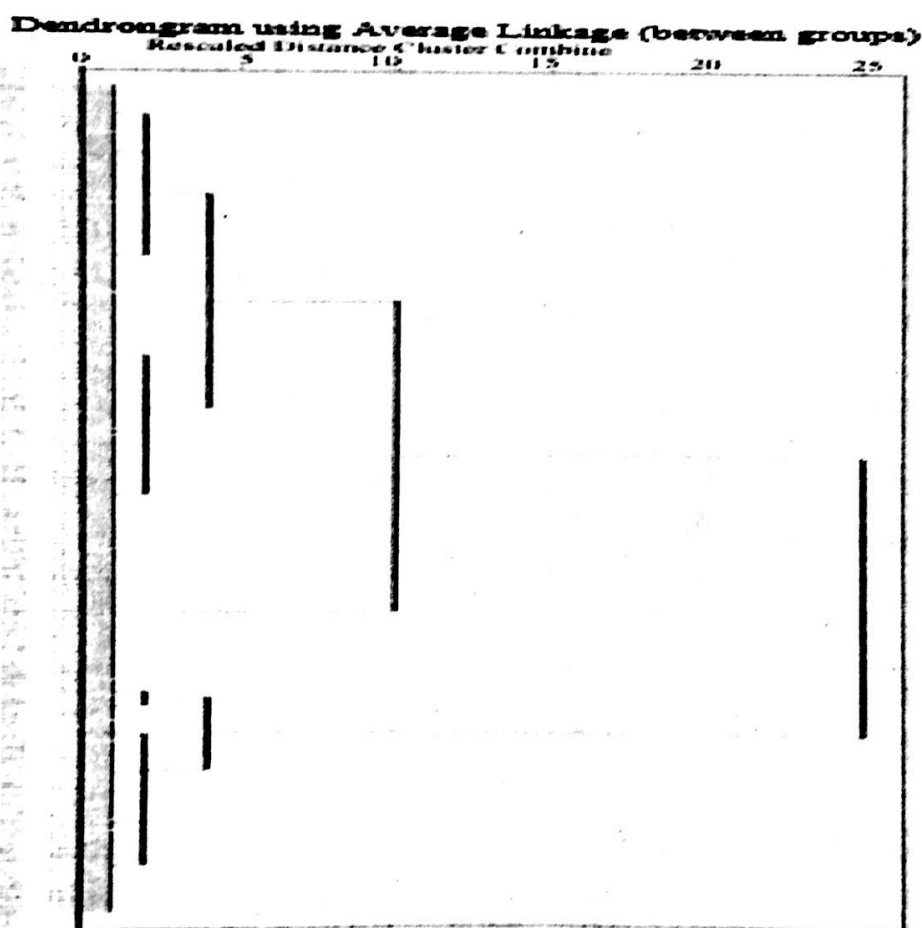
Số liệu ở bảng 2 cho thấy, kỹ năng trình bày nội dung học tập trên lớp của sinh viên Khmer có ĐTB = 3,39; ĐLC = 0,61. Trong ba nhóm biểu hiện, nhóm sử dụng từ ngữ, ngữ pháp có giá trị trung bình cao nhất với ĐTB = 3,63; ĐLC = 0,77, đặc biệt là khả năng *phát âm tiếng Việt rõ ràng, chính xác* khi trình bày ý kiến (ĐTB = 3,88; ĐLC = 0,92). Tuy nhiên, việc trình bày nội dung học tập đúng về mặt ngữ pháp lại có ĐTB khá thấp (ĐTB = 3,38) so với ĐTB của nhóm biểu hiện.

Nhóm biểu hiện thuộc về ngôn ngữ không lời với các biểu hiện *tiếp xúc mắt với đối tượng giao tiếp và khả năng sử dụng các cử chỉ để nhấn mạnh những gì mình muốn nói* (ĐTB = 3,60; ĐLC = 1,06) cũng được sinh viên thể hiện khi tương tác trên lớp. Qua quan sát dự giờ một tiết của lớp quản trị văn phòng, Trường Đại học Trà Vinh, chúng tôi cũng nhận thấy, sinh viên Khmer khá thụ động, chỉ 1/5 số sinh viên Khmer trong lớp tự nguyện phát biểu, số còn lại chỉ đưa ra ý kiến khi giảng viên yêu cầu. Khi đưa ra ý kiến của mình, đa số từ ngữ trong các ý kiến trình bày mà chúng tôi quan sát không mắc lỗi về phát âm. Từ ngữ sử dụng tương đối phù hợp với nội dung học tập trình bày. Khi diễn đạt ý kiến của mình, các em có sự tiếp xúc mắt với thầy cô giáo, tuy nhiên, sự tiếp xúc mắt này tùy thuộc vào nội dung và tình huống cụ thể trên lớp mà chúng tôi quan sát. Cụ thể, ở những sinh viên Khmer xung phong đưa ra ý kiến khi giảng viên đặt câu hỏi, thì trong quá trình diễn đạt, thường xuyên có tiếp xúc mắt với giảng viên cũng như sử dụng cử chỉ tay, đầu và biểu cảm nét mặt để nhấn mạnh những gì bản thân muốn nói. Ở những trường hợp còn lại, những sinh viên Khmer không xung phong mà được giảng viên gọi tên thì các em hay cúi đầu, trả lời nhát gừng và đa số là tránh tiếp xúc mắt với giảng viên. D.C. (nam, sinh viên năm hai, Trường Đại học Trà Vinh) chia sẻ: *“Sự rất ngại nhìn vào mắt người khác khi giao tiếp. Trước đây, khi giao tiếp, sự hay né nhìn vào mắt vậy khi nói với thầy cô hay bạn bè, sự cố gắng nhìn vào mắt hoặc mắt họ, nhưng vẫn chưa thật tự nhiên”*. Nghiên cứu trước đó của tác giả cũng cho thấy

mức độ tránh tiếp xúc mắt khi nói chuyện của sinh viên Khmer cao hơn một cách có ý nghĩa so với sinh viên dân tộc Kinh (Nguyễn Thị Thúy, 2017).

Số liệu trong bảng 2 cũng chỉ ra nhóm biểu hiện diễn đạt nội dung học tập của sinh viên Khmer là thấp nhất so với hai nhóm biểu hiện còn lại, trong đó *khả năng trả lời đúng và lưu loát các câu hỏi của giảng viên và các bạn trong lớp* là thấp nhất (ĐTB = 2,97) trong toàn thang đo. Biểu hiện này cũng có tương quan thuận chặt với biểu hiện phản hồi những gì thầy cô và bạn cùng lớp đã trình bày bằng lời nói ở trong nhóm kỹ năng lắng nghe ( $r = 0,427; p < 0,01$ ). Điều này giải thích rằng, nếu sinh viên phản hồi tốt trong nghe giảng, thì việc trả lời đúng và lưu loát cũng sẽ tốt và ngược lại. Bên cạnh đó, qua số liệu trong bảng 2, chúng ta cũng thấy, *khả năng tổ chức, sắp xếp nội dung muốn trình bày và khả năng trình bày ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu* cũng được sinh viên Khmer tự đánh giá khá thấp (ĐTB lần lượt là 3,07 và 3,13) so với điểm trung bình chung của toàn nhóm biểu hiện.

### 3.1.3. Đặc trưng của kỹ năng giao tiếp trong hoạt động học tập trên lớp của sinh viên Khmer dựa trên phân tích cụm và phân tích biệt số



**Biểu đồ 1: Biểu đồ phân tích cụm**



Chúng tôi sử dụng phương pháp phân cụm (Cluster analysis) để nhóm các khách thể có cùng đặc điểm về kỹ năng giao tiếp trong hoạt động học tập giống nhau. Phương pháp liên kết Ward với khoảng cách Euclide bình phương đã được sử dụng để nhóm những sinh viên Khmer đã khảo sát vào cụm. Kết quả của sự phân tích cụm trong 29 biểu hiện của toàn nhóm khách thể được thể hiện trong biểu đồ 1.

Biểu đồ 1 là biểu đồ hình cây thể hiện quá trình phân tích cụm. Các đường kẻ dọc đại diện cho các cụm đã được nhập với nhau. Trong tổng số 419 sinh viên Khmer thỏa mãn điều kiện trong phân tích cụm, với số cụm lựa chọn là 3, chúng tôi đã được kết quả là 3 cụm (nhóm) sinh viên có điểm trung bình gần giống với 3 mức độ kỹ năng giao tiếp trong hoạt động học tập, cụ thể như sau:

Nhóm 1 gồm 141 sinh viên Khmer (chiếm 33,7%), với điểm trung bình là 2,92; một nét đặc trưng của nhóm sinh viên này là điểm trung bình của 29 biểu hiện thấp nhất so với điểm trung bình chung của thang đo. Nhóm 2 gồm 168 sinh viên Khmer (chiếm 40,1%), với điểm trung bình của toàn cụm là 3,54. Nhóm 3 có 110 sinh viên Khmer (chiếm 26,3%), với điểm trung bình là 4,13 và là nhóm có điểm trung bình cao nhất.

Để tìm hiểu đặc điểm đặc trưng của kỹ năng giao tiếp trong hoạt động học tập ở ba nhóm sinh viên với 3 mức độ kỹ năng giao tiếp khác nhau, phương pháp phân tích biệt số (Discriminant Analysis) với phép tính phân tách stepwise được sử dụng, với mục đích xác định những biểu hiện giao tiếp nào trong 29 biểu hiện được dùng để tách biệt có ý nghĩa thống kê nhất giữa ba cụm sinh viên ứng với ba mức độ kỹ năng giao tiếp khác nhau. Kết quả kiểm định phân tích biệt số được thể hiện trong bảng 3.

**Bảng 3: Bảng hệ số Eigenvalue và Wilk trong phân tích biệt số**

Hàm	Eigenvalue	% phương sai	% phương sai trích	Tương quan Canonical	Wilks' Lambda	P
1	3,586	97,8	97,8	0,884	0,202	< 0,001
2	0,080	2,2	100,0	0,272	0,926	< 0,001

Giá trị Eigenvalue tương ứng của hàm 1 lớn và chiếm 97,8% phương sai giải thích kết quả. Hệ số Canonical tương ứng là 0,884, hệ bình phương của số này là  $(0,884)^2 = 0,782$  cho thấy, 78,2% phương sai của biến phụ thuộc (kỹ năng giao tiếp ở cụm sinh viên) được giải thích bởi mô hình hàm phân tích biệt số

theo hàm 1 với  $p < 0,001$ . Giá trị Eigenvalue tương ứng của hàm 2 nhỏ và chỉ chiếm 2,2% phương sai giải thích kết quả, mặc dù vậy, hàm 2 vẫn có ý nghĩa phân biệt với  $p < 0,001$ .

**Bảng 4:** Ma trận cấu trúc trong hàm phân biệt

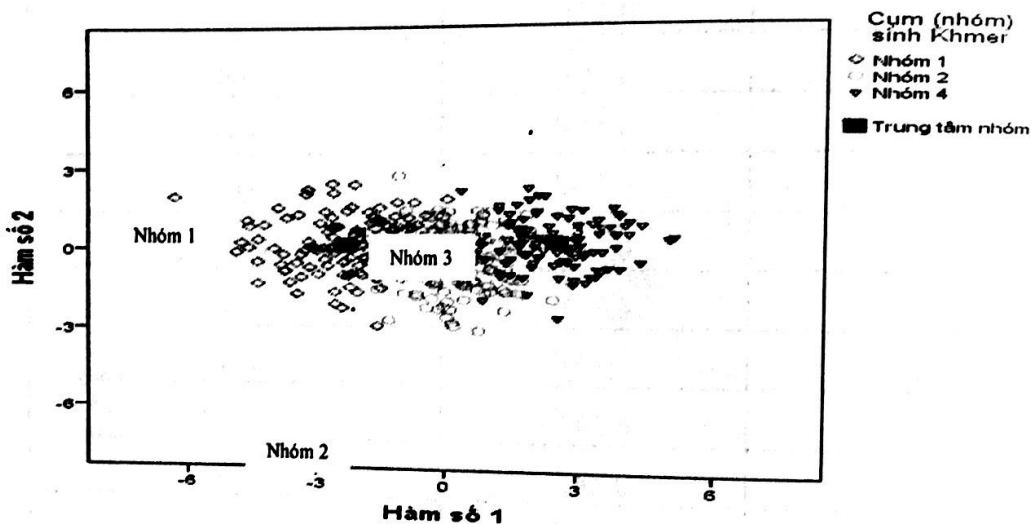
Biểu hiện	Hàm 1	
	1	2
Y12	0,432*	-0,384
Y10	0,382*	-0,037
Y9	0,381*	-0,151
Y4	0,377*	-0,195
Y3	0,372*	-0,255
L11	0,354*	0,099
Y2	0,352*	-0,321
Y13 <sup>b</sup>	0,319*	-0,018
Y6 <sup>b</sup>	0,317*	0,018
Y5	0,313*	0,087
Y11 <sup>b</sup>	0,308*	-0,006
Y7	0,297*	-0,221
Y14 <sup>b</sup>	0,285*	0,093
Y8 <sup>b</sup>	0,272*	-0,158
L112 <sup>b</sup>	0,265*	0,089
L13 <sup>b</sup>	0,239*	0,190
L2	0,235*	0,154
L10 <sup>b</sup>	0,196*	0,172
L14 <sup>b</sup>	0,187*	-0,001
L8 <sup>b</sup>	0,186*	0,066
L4 <sup>b</sup>	0,165*	0,088
L3 <sup>b</sup>	0,161*	0,120
L1 <sup>b</sup>	0,158*	0,033
L5 <sup>b</sup>	0,131*	0,095

Y15	0,322	0,464*
L9	0,312	0,388*
L7	0,316	0,326*
L6 <sup>b</sup>	0,225	0,291*
Y1 <sup>b</sup>	0,179	-0,182*

Ghi chú: \*: Tương quan lớn nhất giữa mỗi biến ở trong hàm phân biệt - biểu hiện mang tính phân biệt mạnh hơn.

<sup>b</sup>: Biến không được sử dụng trong phân tích hàm phân biệt.

L, Y trong bảng 4 và bảng 5 là những chữ viết tắt trích từ những biểu hiện trong bảng 1 và 2.



**Biểu đồ 2: Sự phân bố các cụm phân biệt**

Trong bảng 4, hàm 1 thể hiện các biến liên quan đến biểu hiện của kỹ năng trình bày nội dung học tập có hệ số lớn hơn. Trong khi đó, hàm 2 thể hiện các biến liên quan đến biểu hiện của kỹ năng lắng nghe và trả lời câu hỏi của giảng viên có hệ số lớn hơn. Biểu đồ phân tán (biểu đồ 2) của các nhóm sinh viên có mức độ kỹ năng giao tiếp khác nhau được diễn tả theo hàm thứ nhất và hàm thứ hai. Có thể thấy rõ ở hàm thứ nhất, nhóm 3 có trị số cao nhất và nhóm 1 có trị số thấp nhất. Vì hàm thứ nhất chủ yếu gắn với kỹ năng trình bày nội dung học tập, nên ba nhóm này được phân biệt theo nhóm kỹ năng này. Trong lắng nghe, cho thấy nhóm 2 có khả năng phân biệt với nhóm 1 và nhóm 3 theo hàm này.

**Bảng 5: Hệ số hàm phân biệt**

Biểu hiện	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
L2	4,828	5,723	6,637
L7	4,140	4,805	5,807
L9	5,258	5,836	6,991
L11	1,997	2,801	3,444
Y2	2,989	3,788	4,122
Y3	2,624	3,408	3,944
Y4	2,108	2,987	3,485
Y5	3,734	4,345	5,205
Y7	2,671	3,360	3,613
Y9	2,344	3,271	3,854
Y10	1,347	1,895	2,413
Y12	2,957	4,248	4,600
Y15	1,848	1,834	2,646
Hàng số	-56,413	-86,192	-118,631
Phần trăm dự đoán chính xác: 89,5%			

Từ kết quả phân tích trên, chúng ta có thể nhận thấy, biểu hiện đặc trưng của từng nhóm ứng với mức độ kỹ năng giao tiếp trong hoạt động học tập khác nhau như sau:

Nhóm 1: gồm những sinh viên Khmer có kỹ năng giao tiếp thấp, đặc biệt nhóm được phân biệt mạnh bởi khả năng trình bày nội dung học tập bằng lời nói còn hạn chế. Biểu hiện nổi trội với điểm trung bình thấp của sinh viên thuộc cụm này là *khả năng tổ chức, sắp xếp nội dung muốn trình bày giúp giảng viên và các bạn trong lớp hiểu* (ĐTB = 2,38) và *khả năng phản hồi những gì thầy cô hoặc các bạn cùng lớp đã trình bày bằng lời nói* (ĐTB = 2,49). Tuy nhiên, những sinh viên thuộc nhóm này lại có khuynh hướng tập trung các giác quan trong lắng nghe, khi tham gia các hoạt động học tập trên lớp.

Nhóm 2: gồm những sinh viên có kỹ năng giao tiếp ở mức trung bình, điểm nổi bật của nhóm này là khả năng lắng nghe trong học tập không cao so với hai nhóm còn lại. Nhưng một đặc điểm nổi trội của nhóm sinh viên này là khả năng phát âm tiếng Việt rõ ràng, chính xác (ĐTB = 4,10).

Nhóm 3: gồm những sinh viên có kỹ năng giao tiếp ở mức cao. Nét đặc trưng của nhóm sinh viên này là thể hiện được kỹ năng giao tiếp tốt ở tất cả các biểu hiện, đặc biệt có sự khác biệt so với các nhóm sinh viên còn lại ở những biểu hiện liên quan đến kỹ năng trình bày nội dung học tập bằng lời nói trên lớp.

Mặc dù kết quả phân tích cho thấy, mức độ kỹ năng giao tiếp trong hoạt động học tập của sinh viên Khmer được tìm thấy ở 3 nhóm là khác nhau trong 29 biểu hiện, nhưng điểm đặc trưng nổi bật của kỹ năng giao tiếp trong hoạt động học tập của sinh viên Khmer ở cả ba nhóm với điểm trung bình cùng cao ở khả năng tập trung các giác quan để chú ý nắm bắt thông tin, nội dung học tập và ĐTB thấp ở khả năng diễn đạt nội dung học tập bằng lời nói với bạn và thầy cô. Nét biểu hiện này cũng được nhiều giảng viên có kinh nghiệm trong giảng dạy sinh viên Khmer nhận xét. Thầy N.V.S. (47 tuổi, giảng viên Trường Đại học Trà Vinh) chia sẻ: "... sinh viên Khmer ngoan, hiền, thường ngồi tập trung nghe giảng, ít phát biểu và cũng ít nói chuyện riêng, nhưng nhiều em có khó khăn trong diễn đạt ý kiến của mình, khi được giảng viên yêu cầu trả lời câu hỏi hay chia sẻ suy nghĩ của mình về các nội dung học tập...".

Kết quả phân tích biệt số của bảng 4 và bảng 5 còn chỉ ra 13 biểu hiện đặc trưng có ý nghĩa được sử dụng để xác định thực trạng mức độ của kỹ năng giao tiếp trong hoạt động học tập trên lớp ở sinh viên Khmer, trong đó biểu hiện của kỹ năng trình bày nội dung học tập chiếm ưu thế hơn, với mức độ dự đoán chính xác đạt 89,5%;  $p < 0,01$ , cụ thể:

- Trong 15 biểu hiện của kỹ năng trình bày nội dung học tập, có 9 biểu hiện có ý nghĩa phân biệt là: sử dụng từ học thuật, ngữ pháp, tiếp xúc mắt, sử dụng cử chỉ để nhấn mạnh, tốc độ trình bày, ngữ điệu, khả năng tổ chức sắp xếp, ý kiến phù hợp với nội dung học tập và trả lời đúng và lưu loát câu hỏi của giảng viên.

- Trong 14 biểu hiện của kỹ năng lắng nghe, có 4 biểu hiện có tính phân biệt có ý nghĩa là khả năng gạt bỏ những kích thích xung quanh để tập trung vào bài học; khả năng liên kết giữa ý chính với chi tiết, khả năng hiểu những yêu cầu hướng dẫn của giảng viên và khả năng phản hồi lại bằng lời nói.

### **3.2. Mối quan hệ của kỹ năng giao tiếp với kết quả học tập**

Bảng 6 chỉ rõ mối liên hệ giữa kỹ năng giao tiếp trong hoạt động học tập trên lớp của sinh viên Khmer với kết quả học tập phân theo nhóm kỹ năng.

Kiểm định Chi-Square kết hợp với Cramer's V để tìm ra mối liên hệ giữa các loại học lực với 3 mức độ của kỹ năng giao tiếp. Kết quả kiểm định cho thấy, điểm tích lũy và mức độ kỹ năng giao tiếp của sinh viên Khmer có mối quan hệ thuận với nhau ( $\chi^2 = 52,76$ ;  $r = 0,360$ ;  $p < 0,01$ ). Mối quan hệ này diễn ra theo chiều hướng những sinh viên Khmer có kỹ năng giao tiếp ở mức

độ cao hơn thì tỷ lệ đạt điểm trung bình loại A và B chiếm tỷ lệ nhiều hơn và ngược lại. Không có trường hợp nào mà sinh viên tự đánh giá bản thân có kỹ năng giao tiếp ở mức độ cao lại có kết quả học tập ở loại D và loại F. Trong khi đó, những sinh viên tự đánh giá mình có kỹ năng giao tiếp ở mức độ thấp, thì kết quả học tập của các em thường ở loại C, D và F. Kết quả này cũng được chỉ ra trong nhiều nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp của sinh viên đại học. Rubin và Graham (1988) nghiên cứu sự ảnh hưởng của năng lực giao tiếp đến thành tích học tập ở 50 sinh viên năm nhất và khẳng định nếu sinh viên có năng lực hoặc kỹ năng giao tiếp tốt thì kết quả học tập của các em cũng sẽ cao hơn và ngược lại. Alkandari (2012) cũng chỉ ra kỹ năng giao tiếp của sinh viên tác động tích cực tới kết quả học tập của các em.

**Bảng 6: Mối quan hệ giữa kỹ năng giao tiếp và kết quả học tập**

Kết quả học tập	Tổng số (Tỷ lệ %)	Kỹ năng giao tiếp chia theo nhóm (%)		
		Thấp	Trung bình	Cao
Loại D + F (dưới 5,4)	37 (100)	73,0	27,0	0,0
Loại C (5,5 - 6,9)	166 (100)	41,0	38,0	21,0
Loại B (7,0 - 8,4)	184 (100)	20,1	45,1	34,8
Loại A (8,5 - 10)	21 (100)	19,0	38,1	42,9
<b>Tổng</b>	<b>408 (100)</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

#### 4. Kết luận

Như vậy, có thể thấy, sinh viên Khmer ở một số trường đại học vùng đồng bằng Sông Cửu Long có kỹ năng lắng nghe nội dung học tập tốt hơn kỹ năng trình bày nội dung học tập. Trong kỹ năng lắng nghe, biểu hiện tập trung các giác quan để chú ý nắm bắt thông tin, nội dung bài giảng và ghi chú các nội dung học tập trên lớp được sinh viên Khmer đánh giá khá tốt. Trong kỹ năng trình bày nội dung học tập, sinh viên Khmer có khả năng sử dụng từ ngữ, ngữ pháp; tuy nhiên, khả năng diễn đạt nội dung học tập bằng lời nói tới các bạn và thầy cô trên lớp còn hạn chế.

Kết quả phân tích cụm đã nhóm 419 sinh viên thành 3 cụm đặc trưng cho mức độ kỹ năng giao tiếp: thấp, trung bình và cao, trong đó nhóm sinh viên thuộc cụm giao tiếp thấp chiếm 1/3. Phân tích biệt số chỉ ra: để xác định mức độ kỹ năng giao tiếp trong hoạt động học tập trên lớp học của sinh viên Khmer có thể dựa vào 13 biểu hiện của kỹ năng giao tiếp, trong đó các biểu

hiện thuộc kỹ năng trình bày nội dung học tập chiếm phần lớn và cần được cải thiện ở nhóm sinh viên có kỹ năng giao tiếp thấp.

Ngoài ra, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, kỹ năng giao tiếp trong hoạt động học tập có mối quan hệ thuận với kết quả học tập của sinh viên. Điều này có nghĩa là nếu sinh viên có kỹ năng giao tiếp tốt sẽ có tác động đến kết quả học tập của sinh viên, càng có kỹ năng giao tiếp tốt, sinh viên càng có kết quả học tập cao hơn. Vì vậy, muốn nâng cao kết quả học tập của sinh viên Khmer vùng đồng bằng Sông Cửu Long, các nhà giáo dục cần chú ý đến việc phát triển kỹ năng giao tiếp trong hoạt động học tập trên lớp cho sinh viên Khmer.

### Tài liệu tham khảo

1. Alkandari N. (2012). *Students' communication and positive outcomes in college classrooms*. Education. 133 (1). 19 - 30.
2. Aryadoust V., Goh C. & Lee O.K. (2012). *Developing an academic listening selfassessment questionnaire: A study of modeling academic listening*. Psychological Test and Assessment Modeling. Vol. 54. P. 227 - 256.
3. Backlund P.M., Brown K.L., Gurry J. & Jandt F. (1982). *Recommendations for assessing speaking and listening skills*. Communication Education. 31 (1). 9 - 17.
4. Barker M., Child C., Gallois C., Jones E. & Callan V.J. (1991). *Difficulties of overseas students in social and academic situations*. Australian Journal of Psychology. 43 (2). 79 - 84.
5. Bùi Thị Luyến (2016). *Hiệu quả của phương pháp giao tiếp trong việc nâng cao năng lực diễn đạt bằng tiếng Việt cho sinh viên Khmer*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Trà Vinh. Số 22. Tr. 88 - 98.
6. Chaudron C., Loschky L. & Cook J. (1994). *Second language listening comprehension and lecture note-taking*. Academic Listening: Research perspectives. Cambridge Applied Linguistics. Cambridge University Press. P. 75 - 92.
7. Ganguly S. (2017). *Action research to improve the communication skills of undergraduate students*. IUP Journal Of Soft Skills. 11 (3). 62 - 71.
8. Iksan Z.H., Zakaria E., Meerah T.S.M., Osman K., Lian D.K.C., Mahmud S.N.D., & Krish P. (2012). *Communication skills among university students*. Procedia - Social and Behavioral Sciences. 59 (Supplement C). 71 - 76.
9. Martín-Pastor E., González-Gil F., Río C.J., Robaina N.F. & Castro R.P. (2013). *Influence of immigrant students' communication skills on their teaching and learning process*. Procedia - Social and Behavioral Sciences. 93 (Supplement C). 789 - 793.
10. Mercer-Mapstone L.D. & Matthews K.E. (2015). *Student perceptions of communication skills in undergraduate science at an Australian research-intensive university*. Assessment & Evaluation in Higher Education. Routledge.

11. Nguyễn Thị Thúy (2017). *Sự khác biệt trong giao tiếp phi ngôn ngữ của sinh viên dân tộc Khmer và dân tộc Kinh trong môi trường đa văn hóa*. Kỷ yếu hội thảo quốc tế Tâm lý học khu vực Đông Nam Á lần thứ nhất. Quyển 2. Tr. 486 - 496. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
12. Nguyễn Thị Thúy (2018). *Một số vấn đề lý luận về kỹ năng giao tiếp trong hoạt động học tập trên lớp của sinh viên Khmer*. Tạp chí Giáo chức Việt Nam. Số 142. Tr. 22 - 27.
13. Phạm Văn Tuân (2014). *Một số vấn đề lý luận về khó khăn tâm lý trong hoạt động học tập của sinh viên năm thứ nhất người dân tộc Khmer*. Tạp chí Tâm lý học xã hội. Số 1. Tr. 101 - 111.
14. Powell R.G. & Avila D.R. (1986). *Ethnicity, communication competency and classroom success: A question of assessment*. Western Journal of Communication (Includes Communication Reports). 50 (3). 269 - 278.
15. Rubin R.B. (1982). *Assessing speaking and listening competence at the college level: The communication competency assessment instrument*. Journal Communication Education. Vol. 31. No 1. P. 19 - 32.
16. Rubin R.B. & Graham E.E. (1988). *Communication correlates of college success: an exploratory investigation*. Communication Education. 37 (1). 14.
17. Spitzberg B.H. (2007). *CSRS, the conversational skills rating scale: An instructional assessment of interpersonal competence*. N.P. National Communication Association. 1 - 53.